

# Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

## Môn học: Phật Pháp Cơ Bản

**Bài học ngày 8.5.2022**

---

### Phần II: Phật Pháp

## Diệt Đế

*Diệt đế là sự chấm dứt đau khổ.* Được Đức Phật chỉ rõ là sự tận diệt hoàn toàn căn nguyên của khổ đau như được ghi lại trong Kinh Chuyển Pháp Luân (Tương Ưng Bộ V, 420):

***idaṃ kho pana, bhikkhave, dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ — yo tassāyeva taṇhāya asesavirāganirodho cāgo paṭinissaggo mutti anālayo.***

Này các Tỳ kheo, đây là diệt đế về diệt khổ: đoạn tận không còn dư y (taṇhāya asesavirāganirodho), buông xả (cāgo), từ bỏ (paṭinissaggo), giải thoát (mutti), vô nhiễm (anālayo) đối với khát ái.

*Diệt đế đồng nghĩa với niết bàn.* Trên cả hai phương diện ngữ và nghĩa thì đây là điểm vô cùng tế nhị mà một người học Phật Pháp cần cẩn trọng. Có thể nói ngôn ngữ diễn tả chỉ có thể giúp để hiểu một cách tương đối. Tinh thần học hỏi khách quan và nghiêm túc hết sức cần thiết để nói về điều này.

*Niết bàn – Nibbāna – là cứu cánh của người tu Phật.* Có rất nhiều cái nhìn dị biệt về Niết bàn, đặc biệt là dựa theo quan điểm tông phái. Có thể nói là thà không bàn tới hơn là đưa ra một lập luận sai lạc rồi dẫn đến sự nhận thức sai lạc.

*Nên bắt đầu tìm hiểu Niết bàn bằng sự khiêm tốn thành thật thừa nhận giới hạn của sự hiểu biết.* Chúng ta thường nghĩ rằng với lý luận và ngôn ngữ thì có thể hiểu biết mọi thứ nếu được diễn tả đầy đủ. Sự thật thì có những điều không thể nói bằng ngôn từ. Trong Kinh Subha sutta, Trung Bộ, Đức Phật có đưa ra thí dụ về một người khiếm thị bẩm sinh. Vì chưa bao giờ thấy được màu sắc nên nếu có ai dùng lời nói để mô tả sự khác biệt giữa các màu xanh, vàng, đỏ, trắng ... thì càng nói càng khiến hiểu sai. Tương tự như vậy đối với phạm nhân chưa tự thân chứng ngộ giải thoát thì sự mô tả về Niết bàn rất dễ dẫn đến ngộ nhận.

*Hiểu Niết bàn qua vị thế nhận thức.* Trong Tăng Chi Bộ, Phẩm 5 pháp, Đức Phật dạy về sự liễu chứng Niết bàn từ góc nhìn như sau: “Tự thân chứng ngộ, vượt ngoài thời gian, đến để thấy, tỏ ngộ từ nội tại, được cảm nhận bởi các bậc trí”. Phải hiểu rõ 5 điều này mới thấy được tại sao rất khó đối với người không thực tu, thực chứng có thể thấu đạt được Niết bàn là gì.

*Hiểu Niết bàn qua trạng thái đối lập là dukkha.* Dukkha thường được dịch là đau khổ nhưng hàm nghĩa rất rộng. Đó là cái gì bất toàn, khó chịu, rỗng không. Bản chất của dukkha là lần quần (saṃsāra vatṭa) không lối thoát. Không thể hiểu Niết bàn nếu không thật sự hiểu dukkha. Dukkha là cái gì gần gũi, dễ thấy, dễ biết nhưng không có nghĩa là phần đông có thể hiểu được. Thí dụ như bầy gà được cho ăn thì vui mừng nhưng không hiểu được thân phận là người ta nuôi để làm thịt.

*Hiểu Niết bàn qua từ ngữ phủ định.* Một cách để nói về Niết bàn là dùng cách nói phủ định thí dụ như ái tận, diệt khổ, vô vi, vô sanh bất tử ..v.v..

*Hiểu Niết bàn qua từ ngữ đồng nghĩa tương đối.* Mặc dù không có từ ngữ nào tương đồng tuyệt đối nhưng cũng có thể dùng một số ý nghĩa tương tự để mô tả thí dụ như santa (an tịnh), paṇīta (cao cả), suddhi (thanh tịnh), và khema (an ổn). Tất nhiên phải dùng đúng với ngữ cảnh.

*Hiểu Niết bàn qua dụ ngôn.* Một cách mà Đức Phật rất thường dùng để giải thích những điều khó hiểu là dùng dụ ngôn. Nói về Niết bàn thì có nhiều hình ảnh để minh họa. Như một vị A la hán như con bò đầu đàn dẫn cả bầy bò qua sông an toàn. Hay một người vượt qua được trùng dương phong ba bão tố đến được bờ bên an ổn. Hay sự chấm dứt sanh tử như ngọn lửa không tiếp tục cháy vì cạn nhiên liệu. Là cảnh giới an ổn. Là hòn đảo giữa biển cả ..v.v..

Một số từ ngữ mô tả về Niết bàn tìm thấy trong kinh điển

Akaṇha-asukka: bất nhị

Akata: vô vi

Akiñcana: vô ưu

Akuto-bhaya: vô sở úy

Accuta: bất động

Acchariya: tuyệt luân

Ajara; ajajjara: không lão hoá

Ajāta: không sanh

Anata: không giao động

Ananta: không hạn cuộc

Anādāna: không chấp thủ  
Anāpara: cao tột  
Anālaya: vô cầu  
Anāsava: vô lậu  
Anidassana: vô tướng  
Anītika: không khổ nạn  
Anuttara: vô thượng  
Apalokita (-na): không huỷ hoại  
Abhaya: khôn nguy hiểm  
Abbhūta: “chưa từng có”  
Abyādi: vô bệnh  
Abyāpajjha: không bị bức bách  
Abhūta: không cấu thành  
Amata: bất tử  
Amosa-dhamma: không hư hoại  
Asaṅkiliṭṭha: vô nhiễm  
Asaṅkappa: bất động  
Asaṅkhata: vô vi  
Asaṅhāra: không chuyển dịch  
Asoka: vô ưu  
Ārogya: vô bệnh  
Issariya: tự tại  
Khema: an ổn  
Taṇhakkhaya: ái tận  
Tāṇa: bảo vệ  
Dīpa: hải đảo, nơi nương tựa  
Dukkakkhaya: diệt khổ  
Duddasa: khó thấy  
Dhuva: bền vững  
Nipuṇa: vi tế  
Nippapañca: chí thiện  
Nibbāna: tận diệt phiền não và đau khổ  
Nibbuti: thanh lương  
Nirodha: diệt đế  
Paṇīta: cao cả  
Paramattha: lợi lạc tối thượng  
Parama-sacca: chân lý tối hậu  
Pāra: bỉ ngạn  
Mutti: khai phóng  
Mokkha: cứu rỗi

Yogakkhema: thoát ly khổ ách  
Leṇa: cảnh giới an toàn  
Vimutti: giải thoát  
Vimokkha: vượt thoát  
Viraja: vô lậu  
Virāga: ly tham  
Visuddhi: thuần tịnh  
Sacca: chân lý  
Santa: an tịnh  
Santi: tịnh mặc  
Saraṇa: nơi nương tựa  
Siva: vô thượng an ổn  
Suddhi: tinh khiết  
Suddasa: không dễ để thấy

*Khi phải nói về Niết bàn Đức Phật đã nói thế nào? Trong kinh ghi lại có những lần Đức Phật dạy về niết bàn một cách trực tiếp qua pháp thoại. Dưới đây là một số trích dẫn.*

Trong Udāna, Tiểu Bộ:

“Này chư tỳ kheo, có cảnh giới không có địa đại, thủy đại, phong đại, hỏa đại. Không có không vô biên, thức vô biên, vô sở hữu, phi tướng phi phi tướng. Không có đời này, không có đời sau. Không có nhật, nguyệt. Như Lai không nói cảnh giới đó có đến, đi, sanh, diệt. Chính là sự diệt khổ”.

“Quả thật Niết bàn không dễ thấy biết khi còn vô minh và ái chấp sanh hữu. Chỉ có nội tâm đoạn tận vô minh và ái mới có thể thật sự liễu ngộ”.

Này chư tỳ kheo, có cái không sanh (ajāta) , không trở thành (abhūta) , không tạo (akata), không bị tạo (asaṅkhata). Chính là sự giải thoát cái bị sanh, bị già, hữu vi.

Còn lệ thuộc là còn dao động. Không lệ thuộc thì không dao động. Không giao động thì tịch tịnh. Không thiên chấp, không đến, không đi. Không đến, không đi thì không sanh không diệt. Không sanh không diệt thì không đời này không đời sau. Đó là sự chấm dứt hoàn toàn khổ uẩn.

***Biên soạn: Tỳ khuru Giác Đăng***